Người ký: Sở Xây dựng
Email: sxd@thuathienhue.gov.vn
Thời gian ký: 19.03.2019 11:24:49 +07:00

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
SỞ XÂY DỰNG
Số: 536 /QĐ-SXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày 18 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố điều chỉnh, bổ sung Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Kế hoạch số 64 /KH-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2018 của UBND dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Triển khai việc chuyển đổi xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ hành chính nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng;

Theo đề nghị của Ban công tác ISO,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố điều chỉnh, bổ sung Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1663/QĐ-SXD ngày 06/8/2018 của Sở Xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng, các Trưởng phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức trong cơ quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- GĐ, Phó GĐ;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Lê Toàn Thắng

Phụ lục

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 536 /QĐ-SXD ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế)

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước và giải quyết các thủ tục hành chính về xây dựng trong các lĩnh vực sau:

I. Lĩnh vực hoạt động xây dựng

1. Cấp giấy phép xây dựng mới.

2. Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình.

3. Cấp giấy phép di dời công trình.

4. Điều chỉnh giấy phép xây dựng.

5. Gia hạn giấy phép xây dựng.

6. Cấp lại giấy phép xây dựng.

7. Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III

8. Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III

9. Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng)

10. Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài

11. Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III

12. Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III

13. Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III

14. Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP)

15. Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn)

16. Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp

17. Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C.

18. Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C.

19. Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Khoản 4, Điểm b Khoản 5 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP).

20. Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD).

21. Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP).

22. Tiếp nhận công bố sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật.

II. Lĩnh vực quy hoạch xây dựng

1. Cấp Giấy phép quy hoạch.

2. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch vùng.

3. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch khu chức năng đặc thù.

4. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đô thị.

5. Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch vùng.

6. Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch khu chức năng đặc thù.

7. Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch đô thị.

8. Thẩm định, phê duyệt Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng.

III. Lĩnh vực phát triển đô thị

1. Lấy ý kiến đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh.

2. Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

3. Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

4. Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt.

IV. Lĩnh vực kinh doanh bất động sản

1. Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư.

2. Cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

3. Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

V. Lĩnh vực nhà ở

1. Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua.

2. Đề nghị UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP.

3. Đề nghị UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP.

4. Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại đối với trường hợp chỉ định chủ đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

5. Thẩm định giá bán, thuê mua, thê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh

6. Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh

7. Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước

8. Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước

9. Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước

10. Công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư tại Điều 9 của Thông tư số 31/2016/TT-BXD

11. Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư tại Điều 7 của Thông tư số 31/2016/TT-BXD

VI. Lĩnh vực giám định xây dựng

1. Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng.

2. Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động.

3. Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin.

VI. Quản lý chất lượng xây dựng

1. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.